

1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNK Q	TL	TNKQ	TL	TNK Q	TL	
1	Số tự nhiên (28 tiết)	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	1 (Câu 1) 0,25đ			2 (Bài 1a,b) 1,5đ					70%
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (Câu 2) 0,25đ			1 (Bài 2a,3a) 1,5đ		3 (Bài 2bc, 3b) 2,0đ			
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	2 (Câu 3,4) 0,5đ						1 (Bài 5) 1,0đ		
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (12 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	2 (Câu 5,7) 0,5đ		1 (Câu 6) 0,25đ						30%
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.			1 (Câu 8) 0,25đ			2 (Bài 4ab) 2,0đ			
Tổng: Số câu Điểm			6 1,5đ		2 0,5đ	4 3,0đ		4 4,0đ		1 1,0đ	17 10,0đ
Tỉ lệ %			15%		35%		40%		10%		100%
Tỉ lệ chung			50%				50%				100%

Chú ý: Tổng số tiết: 28 tiết.

Thời gian kiểm tra: Tuần 8 – Học kì I (Số và Đại số: 14 tiết (hết bài 10 chương 1), Hình học 14 tiết (hết chương 3)).

1B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	Nhận biết:				
			– Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	1TN (Câu 1)			
			– Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên				
			Thông hiểu:				
			– Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.				
			– Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.				
		Vận dụng:		2TL (Bài 1a)			
			– Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp.				
			– So sánh được hai số tự nhiên cho trước.				
			Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết:	1TN (Câu 2)		
– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.							
Vận dụng:		2TL (Bài 2a,3a)					
– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.							
		– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.					
		– Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.			2TL (Bài 2b,3b)		

			– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).			1TL (Bài 2c)	
		<i>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</i>	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	1TN (Câu 3)			
			– Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư.	1TN (Câu 4)			
			Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.				1TL (Bài 5)
			– Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.				
			– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...)..				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Các hình phẳng trong thực tiễn	<i>Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều</i>	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Thông hiểu: – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau), hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi	2TN (Câu 5,7)			
					1TN (Câu 6)		

			góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau), lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).				
			– Vẽ tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.				
			– Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.				
		<i>Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.</i>	Thông hiểu: – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.		1TN (Câu 8)		
			Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			2TL (Bài 4ab)	

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 ĐIỂM)

Câu 1. Cách viết tập hợp nào sau đây là đúng?

- A. $A = \{0; 1; 2; 3\}$ B. $A = (0; 1; 2; 3)$
C. $A = 1; 2; 3$ D. $A = [0; 1; 2; 3]$

Câu 2. Thứ tự các phép tính nào sau đây đúng với biểu thức khi có dấu ngoặc?

- A. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$
B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$
C. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$
D. $[] \rightarrow \{\} \rightarrow ()$

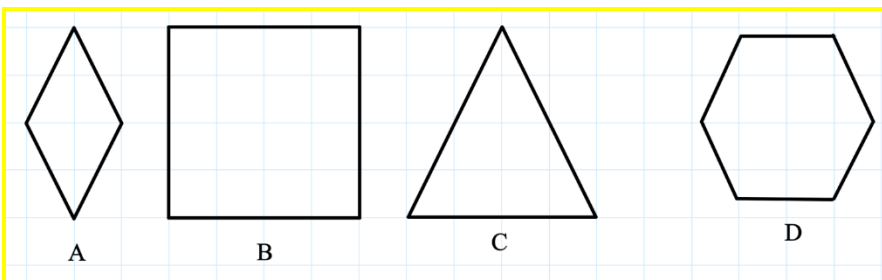
Câu 3. Trong các số tự nhiên sau số nào là hợp số:

- A. 7 B. 67 C. 71 D. 91

Câu 4. Phép chia $144 : 13$ có số dư là:

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 11

Câu 5. Trong các hình sau, hình nào là hình vuông:



- A. Hình A B. Hình C C. Hình D D. Hình B

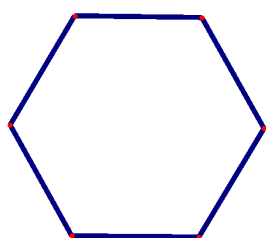
Câu 6. Tam giác có độ dài tất cả các cạnh bằng 5cm là?

- A. Tam giác cân B. Tam giác đều

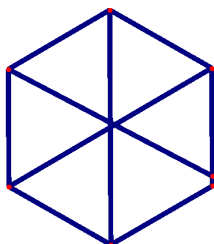
C. Tam giác vuông

D. Tam giác thường

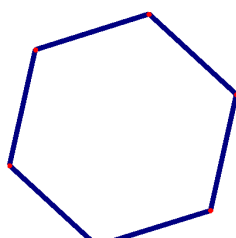
Câu 7. Hình nào sau đây không phải là lục giác đều?



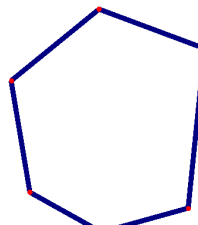
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 8. Yếu tố nào sau đây không phải của hình bình hành ?

A. Hai cặp cạnh đối diện song song

B. Có 4 cạnh bằng nhau

C. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau

D. Hai cặp góc đối diện bằng nhau

II- TỰ LUẬN. (8,0 điểm)

Bài 1: (1,5 điểm) (1,5TH)

a) (TH) Viết tập hợp $X = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 \leq x < 18\}$ bằng cách liệt kê phần tử.

b) (TH) Điền kí hiệu $\in, \notin$ vào

$$10 \square X$$

$$21 \square X$$

Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $42 - 3 \cdot 11 + 2014$

b) $\{ (137 + 13) : 5 \} \cup \{ 5^3 : 5 \} \cdot 7 - 2023^0$

c) $37 \cdot 36 + 37 \cdot 65 -$

Bài 3: (2,0 điểm) (1TH + 1VD) Tìm x, biết:

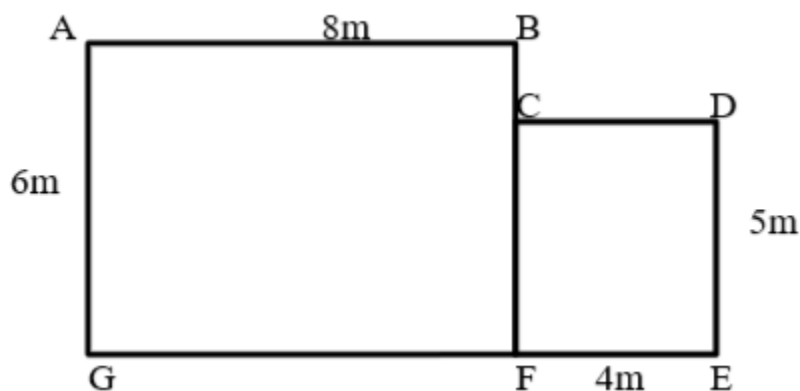
a) $84 - x = 26$

b) $2x - 138 = 2^4 : 2^3$

Bài 4: (2,0 điểm) (2VD) Một mảnh vườn có kích thước như hình vẽ.

a) Tính diện tích mảnh vườn?

b) Trên mảnh vườn đó chủ vườn trồng rau xanh, cứ $1m^2$ thì thu hoạch được 5 kg rau. Tính tổng số ki-lô-gam rau được thu hoạch trên mảnh vườn?



Bài 5: (1,0 điểm) (1VDC)

Số tự nhiên $A = \overline{1x29y}$. Tìm x, y để A chia hết cho 2, 3, 5, 9.

-----Hết-----

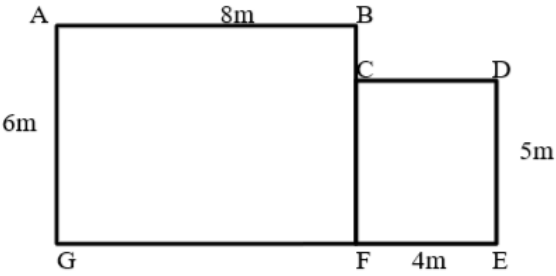
HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – TOÁN 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm): mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ.án	A	B	D	B	C	B	D	B

PHẦN II. TỰ LUẬN (8 điểm):

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (1,5 điểm) c) (0,5 điểm) (TH) Viết tập hợp $X = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 \leq x < 18\}$ bằng cách liệt kê phần tử. d) (1,0 điểm) (TH) Điền kí hiệu $\in, \notin$ vào $10 \square X$ $15 \square X$ $21 \square X$ $18 \square X$	
1a	$X = \{16; 17; 18; 19; 20\}$	0,5
1b	$10 \in X;$ $15 \in X;$ $21 \notin X;$ $18 \notin X;$	0,25 0,25 0,25 0,25
2	Bài 2: (1,5 điểm) (0,5TH + 1VD) Thực hiện phép tính: a) $42 - 3 \cdot 11 + 2014$ b) $\left\{ \frac{1}{8}(137 + 13) : 5 \frac{1}{4} - 5^3 : 5 \right\} \cdot 7 - 2023^0$ c) $37 \cdot 36 + 37 \cdot 65 -$	
2a	$42 - 3 \cdot 11 + 2014 = 42 - 33 + 2014$ $= 9 + 2014 = 2023$	0,25 0,25

2b	$\{ (137 + 13) : 5 - 5^3 : 5 \} . 7 - 2023^0$ $= \{ [150 : 5] - 25 \} . 7 - 1$ $= \{ 30 - 25 \} . 7 - 1$ $= 5 . 7 - 1 = 35 - 1 = 34$	0,25 0,25
2c	$37. 36 + 37. 65 - 37 = 37. (36 + 65 - 1)$ $= 37. 100 = 3\,700$	0,25 0,25
3	Bài 3 (2,0 điểm) (1TH + 1VD) Tìm x, biết: a) $72 - x = 25$ b) $2x - 138 = 2^4 : 2^3$	
3a	$84 - x = 26$ $x = 84 - 26$ $x = 58$	0,5 0,5
3b	$2x - 138 = 2^4 : 2^3$ $2x - 138 = 2$ $2x = 2 + 138$ $2x = 140$ $x = 140 : 2$ $x = 70$	0,25 0,25 0,25 0,25
4	Bài 4 (2,0 điểm) (2VD) Một mảnh vườn có kích thước như hình vẽ. a) Tính diện tích mảnh vườn? b) Trên mảnh vườn đó chủ vườn trồng rau xanh, cứ $1m^2$ thì thu hoạch được 5 kg rau. Tính tổng số ki-lô-gam rau được thu hoạch trên mảnh vườn? 	
4a	Diện tích hình chữ nhật ABFG là:	0,5

Lưu ý:
*Học
sinh có
cách
giải
khác
nếu
đúng thì
giáo
viên
dựa
trên
thang
điểm
chung
để
chấm.*